

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/DS-ST  
Ngày: 09-9-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Dẫn**.

2. Bà **Trần Thúy Kiên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Kim Xa** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 685/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 807/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X**

Địa chỉ: Tầng 1,2 tòa nhà X – 111A Pasteur, phường B, Quận 1, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lâm Dương Thiện P** (Có mặt); Bà **Nguyễn Thảo T**; Ông **Nguyễn Hải T**; Cùng địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà P, số 26 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận B, thành phố H. (Văn bản ủy quyền ngày 02/6/2022)

**Bị đơn: Ông Hà Minh T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận N, thành phố C. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 16/7/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần X trình bày:

Ngày 15/10/2019, ông Hà Minh T ký hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân

hàng thương mại cổ phần X – Chi nhánh S (gọi tắt là Ngân hàng) với các thỏa thuận sau: lãi suất trong hạn không quá 03%/tháng. Thời hạn cấp thẻ tín dụng là 03 năm kể từ ngày được cấp thẻ là ngày 24/10/2019. Căn cứ thu nhập của ông Hà Minh T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 120.000.000 đồng tương ứng với 02 thẻ tín dụng, cụ thể:

+ Thẻ tín dụng số 512824xxxxx02249 (thẻ số 1), loại thẻ Financial Free, hạn mức 20.000.000 đồng; Cách thức thanh toán là vào ngày sao kê hàng tháng là ngày 10 nếu khách hàng rút bao nhiêu tiền thì khách hàng phải trả đủ số tiền đã rút vào lần sao kê và phần lãi đã thỏa thuận. Trường hợp vi phạm thì khách hàng phải chịu phí thanh toán trễ hạn là 4%/tổng dư nợ nhưng không quá 2.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 09/9/2022 thì tổng dư nợ ông T chưa thanh toán 146.842.705 đồng, trong đó: nợ gốc 17.094.962 đồng, nợ lãi 15.397.991 đồng, phí thanh toán trễ hạn 54.035.453 đồng, phí thường niên 598.000 đồng, phí vượt hạn mức là 59.716.299 đồng.

+ Thẻ tín dụng số 526887xxxxx9412 (thẻ số 2), loại thẻ Happy Drive, hạn mức 100.000.000 đồng. Cách thức thanh toán là trong 05 tháng đầu cứ vào ngày sao kê hàng tháng (ngày 15) nếu khách hàng rút bao nhiêu tiền thì khách hàng phải trả đủ số tiền đã rút vào lần sao kê và phần lãi đã thỏa thuận. Trường hợp vi phạm thì khách hàng phải chịu phí thanh toán trễ hạn là 4%/tổng dư nợ nhưng không quá 2.000.000 đồng. Bắt đầu từ tháng thứ 6 trở về sau thì ngày sao kê hàng tháng là ngày 25. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 09/9/2022 thì tổng dư nợ ông Thành chưa thanh toán 363.352.649 đồng, trong đó: nợ gốc 94.992.082 đồng, nợ lãi 80.212.353 đồng, phí thanh toán trễ hạn là 58.000.000 đồng, phí thường niên 998.000 đồng, phí vượt hạn mức là 129.150.214 đồng.

Căn cứ vào mục 6.0, 7.4 và 9.0 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng X; Biểu phí và Điều khoản điều kiện sử dụng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông T phải thanh toán tổng số tiền nợ của hai thẻ tín dụng tính đến ngày 09/9/2022 là 510.195.354 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi từ ngày 10/9/2022 cho đến khi ông T thanh toán toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn ông Hà Minh T tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Hà Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông T phải thanh toán số tiền nợ 510.195.354 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, do trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn không trả nợ gốc và lãi như đã cam kết nên Ngân hàng khởi kiện. Đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 15/10/2019 ông Hà Minh T có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và thỏa thuận lãi suất, cách thức thanh toán như nguyên đơn trình bày. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông T đã thực hiện các giao dịch làm phát sinh nợ gốc tính đến ngày 09/9/2022 là 112.087.044 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký nên đã phát sinh quyền yêu cầu xử lý nợ của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X yêu cầu ông Hà Minh T phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc, lãi, phí phát sinh tính đến ngày 09/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền 510.195.354 đồng, trong đó: nợ gốc là 112.087.044 đồng, lãi 95.610.344 đồng, các phí thường niên, phí thanh toán trễ hạn, phí vượt hạn mức là 302.497.966 đồng và bị đơn ông T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*: Nguyên đơn khởi kiện ghi nhận địa chỉ của bị đơn theo hợp đồng ký kết giữa các bên nhưng khi Tòa án thụ lý vụ án, qua xác minh tại địa phương thì bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn ông T phải chịu chi phí này. Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí là 2.599.308 đồng, nên bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn chi phí tố tụng nêu trên.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 180, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

#### **\* Tuyên án:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Hà Minh T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền tính đến ngày 09/9/2022 là 510.195.354đ (Năm trăm mười triệu một trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 112.087.044 đồng, lãi 95.610.344 đồng, các phí thường niên, phí thanh toán trễ hạn, phí vượt hạn mức là 302.497.966 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, phí của số tiền còn phải thi hành án theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Hà Minh T phải chịu số tiền 2.599.308đ (Hai triệu năm trăm chín mươi chín nghìn ba trăm linh tám đồng). Công nhận phía nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 2.599.308 đồng nên bị đơn ông Thành có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 2.599.308 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hà Minh T phải chịu số tiền 24.407.814đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm linh bảy nghìn tám trăm mười bốn đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.798.000đ (Năm triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) đã nộp tại Cục Thi

hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0004259 ngày 03/3/2022.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(Đã ký)*

**Hoàng Thị Kim Hưng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thúy Kiên**

**Nguyễn Văn Dẫn**

**Hoàng Thị Kim Hưng**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Kim Hưng**

